

Số: 877 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sử dụng kinh phí dự phòng ngân sách tỉnh năm 2019 để hỗ trợ
thiệt hại và phòng chống dịch bệnh dịch tả lợn Châu Phi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 793/QĐ-TTg ngày 27/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách, đối tượng hỗ trợ, mức hỗ trợ kinh phí phòng, chống dịch tả lợn Châu Phi;

Căn cứ Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 08/10/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về quản lý và sử dụng dự phòng ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2019;

Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 709A-TB/TU ngày 31/10/2019;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 2683/TTr-SNNPTNT ngày 03/10/2019 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 2538/STC-NS ngày 15/10/2019 và ý kiến thống nhất của các Thành viên UBND tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sử dụng kinh phí dự phòng ngân sách tỉnh năm 2019 để hỗ trợ thiệt hại và phòng chống dịch bệnh Dịch tả lợn Châu Phi gây ra trên địa bàn tỉnh (từ ngày 30/5/2019 đến ngày 20/8/2019), cụ thể:

1. Kinh phí tiêu hủy: 25.622,102 triệu đồng, trong đó bố trí từ dự phòng ngân sách tỉnh năm 2019 là 8.967,74 triệu đồng và phần còn lại (16.654,362 triệu đồng) do các huyện, thành phố chủ động sử dụng nguồn dự phòng ngân sách cấp huyện năm 2019 để thực hiện theo quy định.

2. Kinh phí chi công tác chống dịch: 7.339,664 triệu đồng, bố trí từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2019.

(Chi tiết cho từng huyện, thành phố theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cấp kinh phí phần dự phòng ngân sách tỉnh năm 2019 cho các địa phương theo Điều 1 Quyết định này theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm hướng dẫn, giám sát, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra và kịp thời xử lý các vướng mắc trong quá trình thực hiện; thường xuyên theo dõi và báo cáo UBND tỉnh diễn biến bệnh Dịch tả lợn Châu Phi nhằm hạn chế thiệt hại của dịch bệnh ở mức thấp nhất.

3. UBND các huyện: Bình Sơn, Tư Nghĩa, Trà Bồng, Mộ Đức, Nghĩa Hành, Sơn Tịnh, Tây Trà, Sơn Tây, Sơn Hà, Đức Phổ, Ba Tơ, Lý Sơn và thành phố Quảng Ngãi chủ động sử dụng dự phòng ngân sách huyện năm 2019 (quy định tại khoản 1 Điều 1) để thực hiện hỗ trợ trực tiếp cho người dân và doanh nghiệp có lợn bị tiêu hủy do dịch bệnh Dịch tả lợn Châu Phi gây ra trên địa bàn; chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, chi trả đúng đối tượng và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện: Bình Sơn, Tư Nghĩa, Trà Bồng, Mộ Đức, Nghĩa Hành, Sơn Tịnh, Tây Trà, Sơn Tây, Sơn Hà, Đức Phổ, Ba Tơ, Lý Sơn và thành phố Quảng Ngãi và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính(b/c);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT(b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(NN), TH, KT, CB-TH;
- Lưu:VT, NN-TNtv404.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Căng

Phụ lục:
BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH DỊCH TẢ LỌN CHÂU PHI
(Từ ngày 30/05/2019 đến ngày 20/8/2019)

Kèm theo Công văn số ~~877~~ /QĐ-UBND ngày 15 /11/2019 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Huyện, thành phố	Kinh phí thực hiện			Kinh phí hỗ trợ tiêu hủy				Kinh phí chi công tác chống dịch	Ghi chú
		Tổng kinh phí	Trong đó:		Khối lượng tiêu hủy (Kg)	Kinh phí thực hiện	Trong đó:			
			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Sử dụng dự phòng ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh hỗ trợ		
1	2	3=4+5	4=9+10	5=8	6	7=8+9	8	9	10	11
1	Bình Sơn	1,382,698	282,845	1,099,853	41,376	1,099,853	1,099,853	0	282,845	
2	Tư Nghĩa	3,020,994	766,759	2,254,235	111,230	2,254,235	2,254,235	0	766,759	
3	Trà Bồng	368,978	91,392	277,586	1,093	277,586	277,586	0	91,392	
4	Mộ Đức	15,568,300	10,749,300	4,819,000	559,127	13,232,200	4,819,000	8,413,200	2,336,100	
5	Nghĩa Hành	4,959,667	1,850,167	3,109,500	140,499	3,664,040	3,109,500	554,540	1,295,627	
6	Sơn Tịnh	3,276,927	613,090	2,663,837	95,450	2,663,837	2,663,837	0	613,090	
7	Tây Trà	111,370	30,000	81,370	2,971	81,370	81,370	0	30,000	
8	Sơn Tây	1,656,336	500,455	1,155,881	14,556	1,155,881	1,155,881	0	500,455	
9	Tp.Quảng Ngãi	774,755	299,930	474,825	21,607	474,825	474,825	0	299,930	
10	Sơn Hà	1,403,545	911,195	492,350	23,601	492,350	492,350	0	911,195	
11	Đức Phổ	127,455	36,280	91,175	2,347	91,175	91,175	0	36,280	
12	Ba Tơ	301,516	166,766	134,750	4,947	134,750	134,750	0	166,766	
13	Lý Sơn	9,225	9,225	0					9,225	
Cộng		32,961,766	16,307,404	16,654,362	1,018,804	25,622,102	16,654,362	8,967,740	7,339,664	